

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ  
TRẦN QUANG KHẢI

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 NĂM HỌC 2025 - 2026

Môn: Toán 8

Thời gian làm bài: 90 phút

TT (1)	Chương/Chủ đề (2)	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4-11)								Tổng % điểm (12)
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Biểu thức đại số (28 tiết)	Đa thức nhiều biến. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các đa thức nhiều biến	TN 1 (0,25đ)			TL1a,b (1,5đ) TL2a (0,5đ)					5,25đ 52,5%
		Hằng đẳng thức đáng nhớ	TN 2 (0,25đ)			TL2b (0,5đ)		TL2c (0,5đ)			
		Phân thức đại số. Tính chất cơ bản của phân thức đại số. Các phép tính cộng trừ nhân chia các phân thức đại số	TN 3 (0,25đ)			TL1c,d (1,5đ)					
2	Các hình khối trong thực tiễn (8 tiết)	Hình chóp tam giác đều, hình chóp tứ giác đều				TL3a (1,0đ)				TL3b (0,5đ)	1,5đ 15%
3	Định lý Pythagore. Các loại tứ giác thường gặp (20 tiết)	Định lí Pythagore						TL 4 (0,5 đ)			3,25đ 32,5%
		Tính chất và dấu hiệu nhận biết các tứ giác đặc biệt			TN4 (0,25đ)	TL5a (1,0đ)		TL5b (1,0đ)		TL5c) (0,5 đ)	
Tổng số câu Số điểm			3 0,75	0 0	1 0,25	8 6,0		3 2,0		2 1,0	17 10,0
Tỉ lệ %			7,5%		62,5%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

**TTCM**

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận Biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Biểu thức đại số	<b>Đa thức nhiều biến. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các đa thức nhiều biến</b>	<b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được khái niệm về đơn thức, đa thức nhiều biến. – Nhận biết được các đơn thức đồng dạng <b>Thông hiểu:</b> – Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của các biến. <b>Vận dụng:</b> – Thực hiện được việc thu gọn đơn thức, đa thức. – Thực hiện được phép nhân đơn thức với đa thức và phép chia hết một đơn thức cho một đơn thức. – Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân các đa thức nhiều biến trong những trường hợp đơn giản. – Thực hiện được phép chia hết một đa thức cho một đơn thức trong những trường hợp đơn giản.	1TN (TN1)	3TL (TL1a,b,2a )		
		<b>Hằng đẳng thức đáng nhớ</b>	<b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được các khái niệm: đồng nhất thức, hằng đẳng thức. <b>Thông hiểu:</b>	1TN (TN2)	2TL (TL2b)	1TL (TL 2c)	

			<p>- Mô tả được các hằng đẳng thức: bình phương của tổng và hiệu; hiệu hai bình phương; lập phương của tổng và hiệu; tổng và hiệu hai lập phương.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <p>– Vận dụng được các hằng đẳng thức để phân tích đa thức thành nhân tử ở dạng: vận dụng trực tiếp hằng đẳng thức;</p> <p>– Vận dụng hằng đẳng thức thông qua nhóm hạng tử và đặt nhân tử chung</p>				
		<p><b>Phân thức đại số. Tính chất cơ bản của phân thức đại số. Các phép tính cộng trừ nhân chia các phân thức đại số</b></p>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <p>- Nhận biết được các khái niệm cơ bản về phân thức đại số: định nghĩa; điều kiện xác định; giá trị của phân thức đại số; hai phân thức bằng nhau.</p> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <p>- Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia đối với hai phân thức đại số.</p>	1TN (TN 3)	2TL (TL1c, d)		
2	<p><b>Các hình khối trong thực tiễn</b></p>	<p><b>Hình chóp tam giác đều, hình chóp tứ giác đều</b></p>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <p>- Mô tả (đỉnh, mặt đáy, mặt bên, cạnh bên) được hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều</p> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <p>– Tính được diện tích xung quanh, thể tích của một hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều.</p> <p>– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều,...).</p> <p><b>Vận dụng cao:</b></p>		1TL (TL 3a)		1TL (TL3b)

			Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính toán, có sự khấu trừ, khấu hao trong câu hỏi.				
3	Định lý Pythagore. Các loại tứ giác thường gặp	Định lý Pythagore	<b>Vận dụng:</b> - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lý Pythagore (ví dụ: tính khoảng cách giữa hai vị trí).			1TL (TL4)	
		Tính chất và dấu hiệu nhận biết các tứ giác đặc biệt	<b>Thông hiểu:</b> - Giải thích được vì sao một tứ giác là hình bình hành, hình chữ nhật; một hình bình hành là hình chữ nhật, hoặc một hình thoi... dựa vào các dấu hiệu nhận biết. <b>Vận dụng:</b> Biết vận dụng kiến thức đã học ở dạng nhận diện để chứng minh được câu hỏi theo yêu cầu của đề bài, mức độ đơn giản của bài hình học <b>Vận dụng cao:</b> - Giải quyết được một số vấn đề ( <b>phức hợp, không quen thuộc</b> ) liên quan đến ứng dụng của hình học.		1TN (TN4) 1TL (TL5a)	1TL (TL5b)	1TL (TL 5c)
<b>Tổng số câu</b>				3	9	3	2
<b>Tỉ lệ %</b>				7,5	62,5	20	10
<b>Tỉ lệ chung</b>				70		30	

